

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 20/3/2023  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH - TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quang Vinh  
Ông Nguyễn Hoàng Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N trình bày:

Vào năm 2013, chị Lê Thị Hồng N và anh Lê Thanh H thông qua mai mối tổ chức lễ cưới rồi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, chị N và anh H có 02 con chung tên Lê Chánh H1, sinh ngày 07/02/2014 và Lê Chánh K, sinh ngày 14/6/2019. Thời gian sống chung xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm anh H có nhậu nhẹt, đập phá đồ đạc, cự cãi và có hành vi bạo lực gia đình với chị N. Anh H và chị N đã ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Chị N yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị N yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh H.

- Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung tên Lê Chánh H1, sinh ngày 07/4/2014, Lê Tuấn K1, sinh ngày 14/6/2019. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Thanh H trình bày: Anh thống nhất với chị N về thời gian chung sống, con chung và có đăng có kết hôn như chị N đã trình bày. Qua yêu cầu của chị N thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lê Thanh H không đồng ý ly hôn với chị N vì anh còn tình cảm với chị N.

- Về con chung: Anh H thống nhất có 02 con chung như chị N trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh thống nhất theo nguyện vọng của Lê Chánh H1 là giao cháu H1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con và anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Tuấn K1 anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị N cho chị N và anh T ly hôn. Về con chung: Giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Lê Thanh H, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Hồng N và anh Lê Thanh H có đăng ký kết hôn, nay chị N yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy

định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4] Anh Lê Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp xác định chị N và anh H kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại xã UBND xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, chị N và anh H phát sinh mâu thuẫn do anh H ăn chơi lâm vào tệ nạn xã hội như chơi số đề, nhậu nhẹt thường xuyên, đập phá đồ đạc, có hành vi bạo lực gia đình như kẻ dao vào cổ đe dọa chị N. Mặc dù, chị N đã khuyên can nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Hiện tại anh chị đã sống ly thân, chị N kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Từ khi chị N và anh H không còn sống chung với nhau, cháu Lê Chánh H1 và Lê Chánh K được chị N nuôi dưỡng, chị N cũng có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu H1 và cháu K. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu K nên Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu H1 và cháu K cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3.] Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bị đơn không phải chi án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

*Tuyên xử:*

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N cho chị Lê Thị Hồng N được ly hôn với anh Lê Thanh H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Chánh H1, sinh ngày 07/4/2014 và Lê Chánh K, sinh ngày 14/6/2019 cho chị Lê Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Lê Thanh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Hồng N không yêu cầu.

Anh Lê Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016193 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Lê Thị Hồng N đã nộp đủ.

Anh Lê Thanh H không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Chị Lê Thị Hồng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/3/2023). Anh Lê Thanh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã An Hòa, H. Châu Thành; AG;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Cương**



